

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2019

RIÊNG CÔNG TY

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

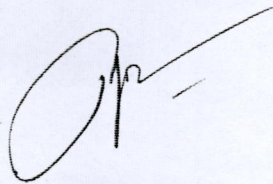
Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2019**

Riêng công ty

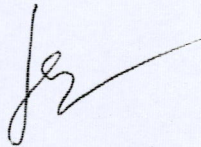
STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ I NĂM 2019	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ I NĂM 2019	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ I NĂM 2019	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ I NĂM 2019	5-21

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2019**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2019 RIÊNG CTY	NGÀY 01/01/2018 RIÊNG CTY
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.306.069.344	135.821.459.044
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	20.423.886.541	26.879.859.836
1 - Tiền	111		20.423.886.541	26.879.859.836
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	-	-
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.664.967.233	48.255.966.950
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.510.675.704	25.088.986.985
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.078.273.968	621.963.795
3 - Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		7.307.888.560	7.306.359.408
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.431.788.755	15.902.316.516
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(663.659.754)	(663.659.754)
IV - Hàng tồn kho	140		35.877.467.060	42.121.788.783
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	35.877.467.060	42.121.788.783
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		15.339.748.510	18.563.843.475
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.420.024.108	2.890.111.370
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.545.579.485	7.299.587.188
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.374.144.917
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		551.209.614.493	573.756.679.410
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		720.437.819	720.437.819
3 - Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		720.437.819	720.437.819
II - Tài sản cố định	220		536.691.124.517	558.537.150.107
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	536.691.124.517	558.537.150.107
- Nguyên giá	222		1.474.789.561.951	1.535.354.033.020
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(938.098.437.434)	(976.816.882.913)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		5.785.803.477	5.785.803.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	805.313.191	589.338.109
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		805.313.191	589.338.109
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.306.829.805	4.306.829.805
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.691.638.720)	(1.691.638.720)
V - Tài sản dài hạn khác	260		8.685.909.161	9.602.923.570
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	8.685.909.161	9.602.923.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		678.515.683.837	709.578.138.454

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

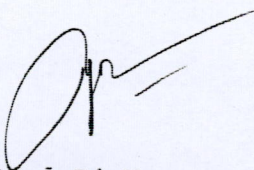
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2019 RIÊNG CTY	NGÀY 01/01/2019 RIÊNG CTY
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		608.387.602.733	674.781.761.501
I - Nợ ngắn hạn	310		233.404.230.753	288.763.777.169
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	51.803.335.068	73.351.277.773
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		481.407.752	7.672.000.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.978.848.044	2.986.277.132
4 - Phải trả người lao động	314		9.546.525.256	12.214.558.843
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	704.296.964	2.732.278.499
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.854.230.808	14.290.280.687
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	35.678.097.745	34.787.296.945
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	126.482.477.016	137.682.493.190
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.875.012.100	3.047.314.100
II - Nợ dài hạn	330		374.983.371.980	386.017.984.332
7 - Phải trả dài hạn khác	337		101.787.521.980	100.164.979.332
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	273.195.850.000	285.853.005.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.128.081.104	34.796.376.953
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	70.128.081.104	34.796.376.953
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(212.804.640.750)	(248.136.344.901)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(248.136.344.901)	(281.360.367.257)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.331.704.151	33.224.022.356
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		678.515.683.837	709.578.138.454

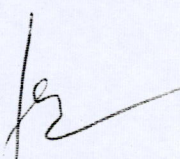
Lập ngày 15 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC




Wương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số : B02-DN

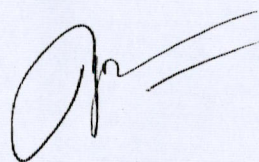
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2019**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2019		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ I NĂM 2019	QUÝ I NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018
			RIÊNG CÔNG TY	RIÊNG CÔNG TY	RIÊNG CÔNG TY	RIÊNG CÔNG TY
I	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	183.939.145.444	176.689.643.925	183.939.145.444	176.689.643.925
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	183.939.145.444	176.689.643.925	183.939.145.444	176.689.643.925
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	160.580.583.178	172.671.938.994	160.580.583.178	172.671.938.994
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		23.358.562.266	4.017.704.931	23.358.562.266	4.017.704.931
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	49.154.257	405.843.504	49.154.257	405.843.504
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	4.772.431.170	9.752.870.748	4.772.431.170	9.752.870.748
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		4.624.294.552	8.802.211.341	4.624.294.552	8.802.211.341
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	3.383.154.848	3.538.890.933	3.383.154.848	3.538.890.933
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	5.745.007.840	4.544.245.778	5.745.007.840	4.544.245.778
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)	30		9.507.122.665	(13.412.459.024)	9.507.122.665	(13.412.459.024)
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	25.894.169.406	5.223	25.894.169.406	5.223
12 - Chi phí khác	32	VI.31	69.587.920	2.100.141	69.587.920	2.100.141
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		25.824.581.486	(2.094.918)	25.824.581.486	(2.094.918)
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		35.331.704.151	(13.414.553.942)	35.331.704.151	(13.414.553.942)
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		35.331.704.151	(13.414.553.942)	35.331.704.151	(13.414.553.942)
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.767	(671)	1.767	(671)
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.767	(671)	1.767	(671)

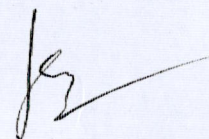
Lập ngày 15 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số: B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

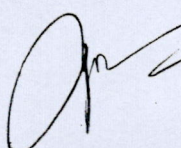
QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

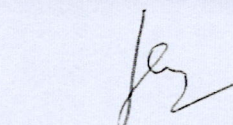
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			QUÝ I NĂM 2019 (RIÊNG CTY)	QUÝ I NĂM 2018 (RIÊNG CTY)
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		173.433.177.588	175.451.071.032
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(149.666.936.073)	(148.610.713.324)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.013.626.422)	(19.340.482.290)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(664.424.656)	(691.968.750)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05			-
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.057.347.409	13.310.568.190
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.481.519.475)	(6.889.245.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(8.335.981.629)	13.229.228.944
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.050.453.636)	-
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		26.862.363.637	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(23.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			12.554.993.400
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.709.684	342.536.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.822.619.685	(10.102.469.937)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.050.000.000	-
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26.000.000.000)	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.950.000.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(6.463.361.944)	3.126.759.007
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		26.879.859.836	22.929.181.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.388.649	71.605.419
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		20.423.886.541	26.127.545.863

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP

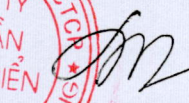

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC




Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY I NĂM 2019

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2019, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2019, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 518 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý I năm 2019 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

Trong quý 1 năm 2019, tại thị trường truyền thống Đông Nam á của công ty, các đơn hàng gạo nhập khẩu vào Philippines có giá cước cao đã kết thúc trong tháng 1/2019; ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Âm lịch kéo dài tại Trung Quốc và Việt Nam khiến các đơn hàng khác như xi măng, sắt thép, phân bón hầu như bị đình trệ. Thêm vào đó, một số chân hàng như xi măng nhập khẩu Philippines, rock phosphate cũng gặp biến động giảm mạnh về nhu cầu vận chuyển do yếu tố mùa vụ và thay đổi chính sách nhập khẩu. Tất cả những yếu tố bất lợi đó đã khiến thị trường cước tàu hàng khô trong khu vực không những suy giảm về cầu mà cả về giá cước biển nên doanh thu vận tải biển suy giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy vậy, nhờ giảm được một số khoản chi phí như chi phí sửa chữa lớn đội tàu và chi phí lãi vay, đồng thời trong kỳ bán thanh lý một tàu nên lợi nhuận sản xuất kinh doanh của công ty tăng so với cùng kỳ năm trước.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý I năm 2019 bắt đầu từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT/BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Riêng Công ty</u>	<u>Riêng Công ty</u>
	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	376.059.185	365.761.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.047.827.356	26.514.098.836
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>20.423.886.541</u>	<u>26.879.859.836</u>
2- Các khoản đầu tư tài chính		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
b1) Ngắn hạn	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/03/2019</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	<u>5.998.468.525</u>	<u>5.998.468.525</u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.178.200.000)	(1.178.200.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(513.438.720)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
Cộng	<u>(1.691.638.720)</u>	<u>(1.691.638.720)</u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Cty CP Xi măng Cẩm Phả	-	2.934.397.400
- Công ty TNHH VT hàng công nghệ cao tại HP (Transvina)	2.551.792.822	2.503.064.096
- Cty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	3.687.040.324	-
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	2.430.759.149	6.663.041.156
- Cty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	4.304.701.339	2.738.588.119
- Tổng cty Hàng hải VN - Cty TNHH MTV trung tâm vận tải và logistics Vinalines	2.583.019.200	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	8.953.362.870	10.249.896.214
Cộng	<u>24.510.675.704</u>	<u>25.088.986.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	5.591.042.048	3.802.150.941
- Ký cược, ký quỹ		30.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.854.510.944	2.298.837.062
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	1.583.502.160	1.479.674.168
- Bảo hiểm y tế	34.556.548	9.462.967
- Bảo hiểm thất nghiệp	185.073.746	174.062.381
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	-
- Các khoản chi hộ	340.060.841	-
- Các khoản phải thu khác	516.599.481	765.641.423
+ Phải thu khác	516.599.481	765.641.423
Cộng	<u>20.431.788.755</u>	<u>15.902.316.516</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	119.475.379	119.475.379
Cộng	<u>663.659.754</u>	<u>663.659.754</u>
6- Hàng tồn kho		
	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	34.076.890.525	39.991.386.778
- Chi phí dịch vụ dở dang	1.488.412.552	1.910.834.647
- Hàng hoá	312.163.983	219.567.358
Cộng	<u>35.877.467.060</u>	<u>42.121.788.783</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang		
	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Phí khảo sát, lập trích lục địa chính	50.741.818	50.741.818
+ Phí tư vấn khảo sát địa chất lập dự án	446.639.091	446.639.091
+ Sửa chữa lớn TSCĐ dở dang	215.975.082	-
Cộng	<u>805.313.191</u>	<u>589.338.109</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Quý I năm 2019 riêng cty:

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		24.857.917.875	1.510.031.208.202	130.752.694	334.154.249	1.535.354.033.020
2. Số tăng trong kỳ		-	1.378.903.636	-	-	1.378.903.636
Trong đó :						
- Do mua sắm		-	1.378.903.636			1.378.903.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		-	61.943.374.705	-	-	61.943.374.705
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			61.943.374.705			61.943.374.705
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Bàn giao nhà cho TP xây cầu theo dự án						-
4. Số cuối kỳ		24.857.917.875	1.449.466.737.133	130.752.694	334.154.249	1.474.789.561.951
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	67.333.155.870	100.752.694	284.881.522	71.432.388.010
- Chờ thanh lý						
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
1. Đầu kỳ		15.266.162.695	961.109.740.662	111.328.735	329.650.821	976.816.882.913
2. Tăng trong kỳ		255.314.400	21.997.269.621	1.071.429	3.079.545	22.256.734.995
- Khấu hao		255.314.400	21.997.269.621	1.071.429	3.079.545	22.256.734.995
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		-	60.975.180.474	-	-	60.975.180.474
- Thanh lý, nhượng bán			60.975.180.474			60.975.180.474
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Bàn giao nhà cho TP xây cầu theo dự án						-
4. Số cuối kỳ		15.521.477.095	922.131.829.809	112.400.164	332.730.366	938.098.437.434
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		9.591.755.180	548.921.467.540	19.423.959	4.503.428	558.537.150.107
2. Cuối kỳ		9.336.440.780	527.334.907.324	18.352.530	1.423.883	536.691.124.517
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			524.374.858.632			524.374.858.632

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình Quý I năm 2019 riêng cty:

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
4 . Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Tăng trong kỳ	-	-	-
Do trích khấu hao			
3 . Giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
III - Giá trị còn lại			
1 . Đầu kỳ	-	-	-
2 . Cuối kỳ	-	-	-

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính Quý I năm 2019 : Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư Quý I năm 2019 riêng công ty :

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
4 . Số dư cuối năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
- Do trích khấu hao			
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
4 . Số cuối năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu năm	-	-	-
4 . Số dư cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

	Riêng Công ty Ngày 31/03/2019	Riêng Công ty Ngày 01/01/2019
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	2.419.553.908	2.888.986.170
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	470.200	1.125.200
Cộng	2.420.024.108	2.890.111.370
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.685.909.161	9.602.923.570
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	8.685.909.161	9.602.923.570
14- Vay và nợ thuê tài chính	Ngày 31/03/2019	Ngày 01/01/2019
a) Vay ngắn hạn	27.730.000.000	26.680.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	27.730.000.000	26.680.000.000
b) Vay dài hạn	371.948.327.016	396.855.498.190
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	98.752.477.016	111.002.493.190
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	22.015.000.000	14.410.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	46.362.477.016	46.342.493.190
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	30.375.000.000	50.250.000.000
-Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	273.195.850.000	285.853.005.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	79.570.450.000	87.175.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	169.000.400.000	168.927.555.000
+ Nợ dài hạn DATC	24.625.000.000	29.750.000.000
Cộng	399.678.327.016	423.535.498.190
15- Phải trả người bán	Ngày 31/03/2019	Ngày 01/01/2019
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	5.274.970.080	-
Glander International	2.423.518.864	2.612.823.561
Cockett Marine Oil	6.435.673.737	6.920.017.748
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	486.040.000	12.183.437.670
Bunkers Marine Pte Ltd	-	9.594.630.600
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	4.557.806.360	6.125.162.620
Cty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	2.096.683.126	4.289.939.988
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	12.148.584.728	8.047.248.350
Phải trả các đối tượng khác	18.380.058.173	23.578.017.236
Cộng	51.803.335.068	73.351.277.773

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	2.950.900.252	2.950.900.252
- Thuế thu nhập cá nhân	27.947.792	35.376.880
Cộng	<u><u>2.978.848.044</u></u>	<u><u>2.986.277.132</u></u>
b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
Cộng	<u><u>8.374.144.917</u></u>	<u><u>8.374.144.917</u></u>
17- Chi phí phải trả	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	199.473.832	201.674.781
- Chi phí phải trả khác	504.823.132	2.530.603.718
	<u><u>704.296.964</u></u>	<u><u>2.732.278.499</u></u>
18- Phải trả khác	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	587.447.100	652.060.622
- Kinh phí công đoàn	1.300.413.740	1.362.124.222
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	9.155.634	7.240.234
- Thuế TNCN	72.892.901	107.837.388
- Phải trả về cổ phần hóa	-	1.801.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	3.080.109.223	3.160.496.716
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	5.519.589.042	4.124.383.562
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	7.480.293.570	6.526.700.738
- Khoản thu đòi bồi thường di dời trụ sở	6.345.004.007	6.345.004.007
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.257.887.528	674.764.750
Cộng	<u><u>35.678.097.745</u></u>	<u><u>34.787.296.945</u></u>
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	18.600.465.974	16.977.923.326
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	83.187.056.006	83.187.056.006
Cộng	<u><u>101.787.521.980</u></u>	<u><u>100.164.979.332</u></u>
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	2.854.230.808	14.290.280.687
Cộng	<u><u>2.854.230.808</u></u>	<u><u>14.290.280.687</u></u>
20- Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý I năm 2019**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2018				33.224.022.356	33.224.022.356
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(248.136.344.901)	34.796.376.953
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(248.136.344.901)	34.796.376.953
- Lãi Quý I năm 2019 riêng công ty				35.331.704.151	35.331.704.151
					-
					-
Số dư cuối ngày 31/03/2019	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(212.804.640.750)	70.128.081.104

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

	Riêng Công ty	Riêng Công ty
	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2019</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	10.349.500.000	10.003.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 43,83 % VĐL	<u>87.650.500.000</u>	<u>87.996.500.000</u>
Cộng	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>
d) Cổ phiếu		
	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
d) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	<u>Quý I Năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	<u>0</u>	<u>-</u>
+ Số dư quỹ cuối năm	<u><u>82.932.721.854</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<u>Ngày 31/03/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	405.997,02	637.146,21
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
- Phải thu khách hàng		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	183.939.145.444	176.689.643.925
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó :		
+ Doanh thu bán hàng	688.751.837	912.811.088
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	183.250.393.607	175.776.832.837
	<u>183.939.145.444</u>	<u>176.689.643.925</u>
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	183.939.145.444	176.689.643.925
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	606.922.413	826.804.972
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	159.973.660.765	171.845.134.022
Cộng	160.580.583.178	172.671.938.994
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.709.684	296.707.896
- Lãi cho vay		5.828.767
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	38.444.573	103.306.841
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Cộng	49.154.257	405.843.504
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
- Chi phí lãi vay	4.624.294.552	8.802.211.341
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		35.795.720
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	45.485.243	914.751.253
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	102.538.941	112.434
- Chi phí tài chính khác	112.434	-
Cộng	4.772.431.170	9.752.870.748
30- Thu nhập khác	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
- Chênh lệch lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	25.894.169.406	-
- Các khoản khác	-	5.223
Cộng	25.894.169.406	5.223
31- Chi phí khác	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
- Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	17.920	2.100.000
- Các khoản bị phạt		141
- Các khoản khác	69.570.000	-
Cộng	69.587.920	2.100.141
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
a) Chi phí bán hàng	3.383.154.848	3.538.890.933
Hoa hồng phí cho các tàu	3.383.154.848	3.538.890.933
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.745.007.840	4.544.245.778
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.682.291	392.322.019
Chi phí nhân công	3.950.040.867	3.095.200.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.339.983	80.842.563
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	26.082.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi		-
Chi phí hoàn nhập dự phòng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.131.770.935	601.125.409
Chi phí khác bằng tiền	118.173.764	348.673.321
Cộng	9.128.162.688	8.083.136.711

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :

	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
	Riêng công ty	Riêng công ty
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.761.777.442	62.451.168.156
- Nhiên liệu	47.451.873.471	57.599.806.885
- Nguyên liệu, vật liệu	8.309.903.971	4.851.361.271
33.2- Chi phí nhân công	22.877.938.415	19.819.705.139
- Tiền lương	19.311.800.000	16.171.504.011
- BHXH	1.418.373.285	1.412.695.532
- Bảo hiểm y tế	168.698.424	154.415.219
- Bảo hiểm thất nghiệp	81.049.902	80.770.433
- Kinh phí công đoàn	162.099.804	161.405.944
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	1.735.917.000	1.838.914.000
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	-	-
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.256.734.995	23.872.871.543
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.509.706.367	72.983.209.302
33.6- Chi phí khác bằng tiền	1.273.244.139	1.628.121.565
Cộng	<u><u>168.679.401.358</u></u>	<u><u>180.755.075.705</u></u>

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	2.050.000.000	-
- Tiền thu từ đi vay	2.050.000.000	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	26.000.000.000	-
- Tiền trả nợ gốc vay	26.000.000.000	-

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**3) NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	9.400.000.000	9.400.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	-	1.801.379.706
	<u>Quý I năm 2019</u>	<u>Quý I năm 2018</u>
- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN	2.583.019.200	
Phát sinh trong kỳ:	5.043.019.200	-
Đã thu trong kỳ	2.460.000.000	-
- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN	-	-
Phát sinh trong năm:	-	-
Đã trả trong năm	-	-
THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	668.624.854	375.865.125

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

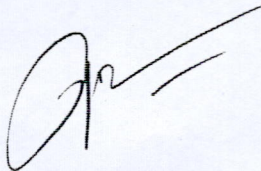
Cho quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
	Riêng Công ty	Riêng Công ty
Vận tải biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	139.998.991.015	149.516.493.095
- Chi phí	126.869.657.418	154.701.017.853
- Lợi nhuận	13.129.333.597	(5.184.524.758)
Thuê tàu biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	7.960.687.500
- Chi phí	-	7.606.620.000
- Lợi nhuận	-	354.067.500
Hoạt động xếp dỡ giao nhận container		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	7.124.188.348	4.564.834.011
- Chi phí	7.015.421.612	4.470.529.567
- Lợi nhuận	108.766.736	94.304.444
Hoạt động DV nâng hạ Container		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	82.362.227
- Chi phí	-	154.859.498
- Lợi nhuận	-	(72.497.271)
Hoạt động Đại lý tàu biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	10.000.000	29.061.362
- Chi phí	9.043.603	13.675.825
- Lợi nhuận	956.397	15.385.537
Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	314.813.637	129.290.909
- Chi phí	352.584.357	190.900.386
- Lợi nhuận	(37.770.720)	(61.609.477)
Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	513.293.758	431.709.446
- Chi phí	-	-
- Lợi nhuận	513.293.758	431.709.446
Hoạt động thương mại		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	658.388.201	912.811.088
- Chi phí	581.872.413	826.804.972
- Lợi nhuận	76.515.788	86.006.116
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng rời (BQL)		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	32.263.569.722	10.914.398.484
- Chi phí	31.851.327.778	10.748.898.868
- Lợi nhuận	412.241.944	165.499.616

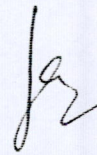
Các hoạt động	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
	Riêng Công ty	Riêng Công ty
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng cont (BQL)		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	579.970.909	1.280.118.863
- Chi phí	577.193.030	1.287.151.090
- Lợi nhuận	2.777.879	(7.032.227)
Hoạt động SXKD khác		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.475.929.854	867.876.940
- Chi phí	2.451.645.655	754.617.646
- Lợi nhuận	24.284.199	113.259.294
Hoạt động tài chính		
- Doanh thu tài chính	49.154.257	405.843.504
- Chi phí tài chính	4.772.431.170	9.752.870.748
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(4.723.276.913)	(9.347.027.244)
Hoạt động khác		
- Thu nhập hoạt động khác	25.894.169.406	5.223
- Chi phí hoạt động khác	69.587.920	2.100.141
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	25.824.581.486	(2.094.918)

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Wương Ngọc Sơn

